**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN PHÚ RIỀNG**
**TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 14/2021/DS-ST
Ngày: 31- 8- 2021
*"V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa*: Ông Mai Danh Hòa
*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Tạ Văn Khách
2. Bà Trần Thị Thanh Miên

***-Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R tham gia phiên tòa***: Ông Ngô Văn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 163/2020/DS-ST ngày 03-12-2020 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXX-ST ngày 26-7-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/QĐST-DS ngày 16-8-2021, giữa:

*Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị N**,** sinh năm 1969 (Có mặt),

Ông Đỗ Xuân S, sinh năm 1957 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 8, xã Long H, huyện R, tỉnh Bình Phước.

*Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Sơn, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Phước H, xã Bình T, huyện R, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và ông Đỗ Xuân S trình bày:*

Ngày 21-11-2019 ông S và bà N bán cho bà Nguyễn Thị S một lô hạt điều nhân trắng với số lượng là 1.837,17 kg với số tiền là 241.931.000 đồng nhưng sau đó bà S không trả cho ông, bà theo thỏa thuận nên ngày 16-01-2019, ông S, bà N và bà S có đến UBND xã Long H để làm "Hợp đồng mua bán hàng hóa" có chứng thực của UBND xã Long H, huyện R, Bình Phước và bà S cam kết hẹn đến ngày 10-02-2020 sẽ trả hết tiền.

Đến hạn trả nợ nhưng bà Skhông trả tiền cho bà N, ông S, mặc dù bà N, ông S đã nhiều lần yêu cầu bà Svề việc trả nợ nhưng không có kết quả.

Nay bà N, ông S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm trả số tiền 241.931.000 đồng và lãi suất chậm trả theo mức lãi suất của Ngân hàng nhà nước là 01%/ tháng tính từ ngày 11-02-2020 cho đến ngày xét xử ngày (20-4-2021) là 44.031.000 đồng.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày*:

Ngày 21-11-2019, bà có mua của vợ chồng ông S, bà N một lô hạt điều nhân trắng với số lượng là 1.837,17 kg với số tiền là 241.931.000 đồng, hẹn vài ngày sẽ trả hết tiền nhưng không có khả năng trả nợ nên ngày 16-01-2020 ông S, bà N có yêu cầu bà S làm hợp đồng mua bán và có chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Long H, huyện R. Do làm ăn thua lỗ nên bà S vẫn chưa trả được nợ cho ông S, bà N.

Nay ông S, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm trả số tiền 241.931.000 đồng và lãi suất chậm trả thì bà đồng ý trả nợ gốc cho ông S, bà N. Còn đối với tiền lãi thì bà Sxin không trả lãi vì hiện bà Slàm ăn thua lỗ và đang gặp khó khăn.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R*:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành các quy định pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành quy định của pháp luật; đối với bị đơn vắng mặt không có lý do thì đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ việc theo thủ tục chung.

Về hướng giải quyết vụ án:

Ngày 21-11-2019, ông S, bà N bán cho bà Nguyễn Thị S một lô hạt điều nhân trắng với số lượng là 1.837,17 kg với số tiền là 241.931.000 đồng, hẹn đến ngày 10-02-2020 sẽ trả hết tiền. Khi mua bán điều hai bên có làm hợp đồng mua bán hàng hóa và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Long H, tuy nhiên trong hợp đồng có thể hiện là Công ty S N là do cán bộ tư pháp soạn nhầm mà bà N, ông S không đọc lại và ký tên, thời điểm này gia đình bà N, ông S chưa thành lập công ty. Đến hạn trả nợ nhưng bà Skhông trả tiền cho bà N, ông S, mặc dù ông S và bà N đã nhiều lần yêu cầu bà S về việc trả nợ nhưng không có kết quả.

Nay bà N, ông S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Scó trách nhiệm trả số tiền 241.931.000 đồng và lãi suất chậm trả là 01%/ tháng theo mức lãi suất của Ngân hàng nhà nước từ thời gian 11-02-2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày (20-4-2021) là 44.031.000 đồng là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự. Xét thấy:

**1. Về tố tụng:**

Nguyên đơn ông Đỗ Xuân S và bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Strả số tiền mua hạt điều nhân trắng của ông, bà chưa trả. Theo "Hợp đồng mua bán hàng hóa" đã được chứng thực tại UBND xã Long H, huyện R, Bình Phước ngày 16-01-2019 với số tiền là 241.931.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Scó nơi cư trú tại xã Bình T, huyện R, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp Hợp mua bán tài sản", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân huyện R thụ lý giải quyết là đúng quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Smặc dù đã được Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Sơn.

**2. Về nội dung:**

Nguyên đơn ông Đỗ Xuân S và bà Nguyễn Thị N yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị S phải trả trả số tiền mua hạt điều là 241.931.000 đồng và lãi suất chậm trả là 01% tháng  theo mức lãi suất của Ngân hàng nhà nước từ thời gian 11-02-2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày (20-4-2021) là 44.031.000 đồng.

Xét lời trình bày của các đương sự: Hội đồng xét xử nhận thấy: Về số tiền mua hạt điều nhân trắng bà Sthừa nhận có mua hạt điều nhân trắng của ông S và bà N còn thiếu lại số tiền là 241.931.000 đồng. Xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ nguyên đơn cung cấp"Hợp đồng mua bán hàng hóa" được ký kết giữa ông S, bà N và bà S ngày 16-01-2020 và được chứng thực tại Uỷ ban nhân dân xã Long H. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị S thừa nhận vào thời gian trên bị đơn có ký hợp đồng bán hàng hóa, cụ thể là mua bán hạt điều với số tiền nêu trên là đúng, và bà S đồng ý trả nợ cho ông S, bà N nhưng do làm ăn thua lỗ nên bà Schưa trả được số tiền nêu trên cho ông S, bà N. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây được xem là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Từ những phân tích và đánh giá chứng cứ như trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông S và bà N về việc buộc bà Sphải trả số tiền mua hạt điều nhân trắng của bà N và ông S là 241.931.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu của ông S và bà Nvề lãi suất chậm trả là 01%/ tháng của tổng số tiền mua hạt điều là 241.931.000 đồng tính từ ngày 11-02-2019 cho đến thời điểm xét xử ngày (20-4-2021) ông S và bà N tính tròn là 44.031.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà Smua hạt điều nhân trắng của ông S và bà N đã quá thời hạn trả nợ nhưng không có khả năng trả nợ cho ông S và bà N nên Hội đồng xét xử xét căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, xét thấy yêu cầu của ông S và bà N về lãi suất chậm trả là phù hợp với quy định của pháp luật và có căn cứ nên được chấp nhận.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N và ông Đỗ Xuân S được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà N, ông S không phải chịu án phí. Bà Nguyễn Thị Sphải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 227, 228 và 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 430, 431, 434, 440 và 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện củanguyên đơn bà Nguyễn Thị N, ông Đỗ Xuân S về việc:"*Tranh chấp hợp đồng tài sản"*.

Buộc bà Nguyễn Thị S phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N và ông Đỗ Xuân S số tiền: 241.931.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi mốt triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn đồng*) và tiền lãi chậm trả là 44.031.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị S phải nộp 14.298.000 đồng (*Mười bốn triệu hai trăm chín mươi tám nghìn đồng*).

Bà Nguyễn Thị N, ông Đỗ Xuân S không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà N, ông S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.545.275 đồng (*Sáu triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng)*, theo biên lai thu tiền số 0011994 ngày 03-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận**:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện R;
- CC THA DS huyện R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Danh Hòa**